TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU,
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:119/2020/HS -ST
Ngày: 27/7/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Hữu Thỏa và bà Vũ Thị Thịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Lệ Giang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa: Ông Hà Đ Thắng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 104/2020/TLST - HS ngày 19 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 151/QĐXXST – HS ngày 10 tháng 7 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh ngày 29/7/1990 tại huyện YT, tỉnh Nghệ an,

Nơi cư trú: Xóm A, xã PT, huyện YT, tỉnh Nghệ an; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc Tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; vợ: Vi Thị H, sinh năm 1990; con: có 02 con lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3/2020 đến ngày 6/4/2020 thì được tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Công ty TNHH MTS

Đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Văn H, chức vụ: Giám đốc, có mặt

Địa chỉ: Xóm G, xã QT, huyện QL, tỉnh Nghệ an;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Trương Thị T, sinh năm 1957, vắng mặt

Trú tại: Xóm C, xã NT, thị xã TH, tỉnh Nghệ An

Anh Lữ Văn Đ, sinh năm 1991, có mặt

Trú tại: Xóm BT, xã CT, huyện QH, tỉnh Nghệ An

Anh Vi Văn D, sinh năm 1986, vắng mặt

Trú tại: Bản N, xã CL, huyện QH, tỉnh Nghệ An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20 tháng 02 năm 2020, Nguyễn Văn T ký hợp đồng với Công ty TNHH MTS do ông Hồ Văn H làm Giám đốc để kéo đường dây điện 110 KV từ cột số 13 đến cột số 17 thuộc xã Ngọc Sơn - Quỳnh Châu - Quỳnh Lưu. Theo các điều khoản của hợp đồng thì Công ty đã bàn giao cho T 4.134m dây nhôm lõi thép loại ACSR 300/39 để T quản lý và sử dụng để kéo đường dây điện theo như hợp đồng đã ký; cũng theo hợp đồng thì sau khi thực hiện xong việc kéo dây từ cột số 13 đến cột số 17 nếu số dây còn thừa thì T có trách nhiệm phải hoàn trả cho Công ty. Tuy nhiên, sau khi thực hiện xong công việc như hợp đồng thì T thấy còn thừa khoảng 800m dây nhưng T chỉ trả lại cho Công ty 210m dây, số còn lại T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt để đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, T đồng ý cho phép một người đàn ông tên K mà T chỉ biết trú tại huyện Như Xuân - tỉnh Thanh Hóa dùng kìm cộng lực cắt khoảng 500m dây thừa này để mang đi bán được số tiền 9.500.000đ. Số tiền bán dây điện được T đưa cho K 1.500.000đ và cho 13 công nhân là tổ thợ của K làm thuê cho T mỗi người 200.000đ, còn lại 5.400.000đ thì T sử dụng để tiêu xài cá nhân.

Đến chiều ngày 26 tháng 03 năm 2020, T và một số công nhân làm cho T di chuyển đồ đạc và 56m dây còn lại từ nhà bà Nguyễn Thị N đến địa điểm mới tại xã Nghĩa Thuận, thị xã Thái Hòa. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Nguyễn Văn T nhờ Lữ Văn Đ đi xe máy của Đ để chở T còn Vi Văn D điều khiển xe máy BKS 49T7-3085 của T chở 56m dây còn lại để đi bán cho bà Trương Thị T được số tiền 1.150.000đ.Trước khi đi T không nói cho D và Đ 56m dây điện là của Công ty TNHH MTS mà T phải trả nên Đ và D nghĩ số dây điện đem đi bán là của T. Sau khi bán được dây điện T cho D và Đ mỗi người 250.000đ còn lại 650.000đ T dùng để tiêu xài cá nhân.

Ngày 27 tháng 03 năm 2020, ông Hồ Văn H là Giám đốc Công ty MTS đã biết số dây điện thừa nhưng thấy T không trả lại cho Công ty nên đã nhiều lần yêu cầu T trả lại số dây nhôm lõi thép còn lại sau khi đã thi công xong đường dây điện cho Công ty nhưng T không trả lại, sau đó ông H đã trình báo Công an để giải quyết.

Đến ngày 28 tháng 03 năm 2020, Nguyễn Văn T đến UBND xã Quỳnh Châu để đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Tổng số dây mà T đã lạm dụng chiếm đoạt của Công ty TNHH MTS là khoảng 556m. Theo thiết kế thi công thì tổng số dây đã sử dụng để kéo từ cột số 13 đến cột số 17 và néo sang cột 18 là 4.134m. Đối chiếu với số lượng dây mà Công ty đã bàn giao cho T thì còn lại số dây là 810m, trong đó T đã trả lại cho Công ty 210m, số còn lại theo tính toán sẽ là 600m. Tuy nhiên, theo lời khai của T thì quá trình thi công số dây thực tế có thể vượt quá so với thiết kế do độ cH của dây từ các cột và một phần do thất thoát, hư hỏng trong quá trình thi công. Vì vậy, số dây mà T đã chiếm đoạt chỉ khoảng 556m dây.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 100/KLĐGTS ngày 03 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Quỳnh Lưu kết luận: 500 m dây nhôm lõi thép trần bôi mỡ cấp 2 ACSR300/39 có giá trị 34.100.000đ; 56 m dây nhôm lõi thép trần bôi mỡ cấp 2 ACSR300/39 có giá trị 3.800.000đ.

Tổng trị giá tài sản mà T chiếm đoạt có giá trị 37.900.000.

Tại bản cáo trạng số 119/CT -VKS - QL, ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Đề nghị: Áp dụng khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 – 15 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo trả cho Công ty TNHH MTS 35.100.000đ. Bà trương Thị T không yêu cầu Nguyễn Văn T trả 1.150.000đ nên không xem xét.

Về hình phạt bổ sung: Điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế; nên miễn phạt tiền bổ sung.

Vật chứng vụ án:Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động và sim. 01 Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 49T7 – 3085; quá trình điều tra chưa đủ giấy tờ chứng minh Nguyễn Văn T là chủ sở hữu nên không có căn cứ để xử lý phương tiện. Giao cho Công an huyện Quỳnh Lưu tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ chủ sở hữu, xử lý sau.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét toàn diện đầy đủ chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những ng- ời tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu có trong hồ sơ, xét thấy phù hợp về thời gian, địa điểm mà bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt; có đủ cơ sở kết luận trong khoảng thời gian từ tháng 02 đến tháng 03 năm 2020, Nguyễn Văn T đã lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt của Công ty TNHH MTS 556m dây nhôm lõi thép trần ACRS 300/39 có tổng giá trị là 37.900.000đ.

Đối với Vi Văn D và Lữ Văn Đ là những người đã cùng T đi bán 56m dây nhôm lõi thép nhưng khi mang dây đi bán thì D và Đ không được T trao đổi, bàn bạc, đồng thời không biết đó là tài sản do T phạm tội mà có nên không phạm tội.

Đối với Trương Thị T là người đã mua 56m dây nhôm lõi thép của T nhưng không biết được đó là tài sản do T trộm cắp được do trộm cắp mà có, sau khi biết đã tự nguyện giao nộp lại tài sản trên nên không phạm tội.

Quá trình phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức và điều khiển hành vi phạm tội của mình là trái pháp luật nhưng do không muốn lao động chân chính, coi thường pháp luật nên đã thực hiện tội phạm một cách liều lĩnh nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản để thỏa mãn nhu cầu cá nhân.

Hành vi của bị cáo thực hiện nêu trên có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Văn T phạm tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự nh- cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên toà là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Vụ án thuộc tr- ờng hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của công dân đ- ợc pháp luật bảo vệ, ảnh h- ởng đến trật tự an toàn xã hội gây hoang mang, lo lắng trong cuộc sống bình th- ờng của nhân dân. Bởi vậy, căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội về tội lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản cần thiết phải xử phạt nghiêm khắc bằng hình phạt tù như Viện kiểm sát đề nghị, t- ơng xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện.

[4] Bị cáo không có các tình tiết tăng nặng.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng nh- tại phiên tòa hôm nay, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năm hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi phạm tội bị cáo đã nhận thức đ- ợc việc làm của mình là vi phạm pháp luật nên đã đầu thú; tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần giảm nhẹ cho bị cáo một phần song cần thiết phải cách ly khỏi xã hội một thời gian như Viện kiểm sát đề nghị mới đủ điều kiện giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn về kinh tế; nên miễn phạt tiền bổ sung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường tổng số tiền là 35.100.000đ; bị cáo cũng nhất trí bồi thường 35.100.000đ nên chấp nhận sự thỏa thuận này.

Bà trương Thị T không yêu cầu Nguyễn Văn T trả 1.150.000đ nên không xem xét; đã yêu cầu bị cáo bồi thường nên không truy thu bị cáo.

[7] Vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động và sim, quá trình điều tra không chứng minh được T dùng làm phương tiện phạm tội, nên trả lại cho T. 01 Chiếc xe mô tô biển kiểm soát 49T7 – 3085; quá trình điều tra chưa đủ giấy tờ chứng minh Nguyễn Văn T là chủ sở hữu nên không có căn cứ để xử lý phương tiện. Giao cho Công an huyện Quỳnh Lưu tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ chủ sở hữu, xử lý sau.

Đối với người đàn ông tên Kiên và 13 người thuộc tổ thợ của Kiên do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên không có căn cứ để xác minh làm rõ. Yêu cầu Cơ quan điều tra huyện Quỳnh Lưu tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 15 (mười lăm) tháng tù; Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/3 đến ngày 06/4/2020.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo trả cho cho Công ty TNHH MTS 35.100.000đ.

Vật chứng vụ án: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Trả lại cho bị cáo T 01 chiếc điện thoại và sim số (Điện thoại và sim số có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/6/2020 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Quỳnh Lưu và Chi cục thi hành án Dân sự huyện Quỳnh Lưu).

Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 1.755.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu bị cáo không thi hành khoản tiền bồi thường đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi theo mức lãi suất cơ bản do ngân hàng Nhà nước công bố, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bị cáo; Người bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Hà

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Lưu;
- Sở Tư pháp;
- CA huyện Quỳnh Lưu;
- VKSND tỉnh Nghệ an;
- Lưu VP.